

Số: 886/QĐ-UBND

Chát Bình, ngày 22 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phân bổ dự toán thu, chi ngân sách xã năm 2026

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ CHÁT BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015 được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 56/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024; Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Quyết định số 1789/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 18/12/2025 của Hội đồng nhân dân xã Chát Bình về việc quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương xã Chát Bình năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 18/12/2025 của Hội đồng nhân dân xã Chát Bình về việc quyết định phân bổ ngân sách địa phương xã Chát Bình năm 2026;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng HĐND-UBND xã, Trưởng phòng Kinh tế xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ dự toán thu, chi ngân sách xã năm 2026 cho các ngành, đoàn thể trên địa bàn xã cụ thể như sau:

1. Dự toán thu ngân sách xã	165.963.000.000	đồng
- Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp:	32.707.000.000	đồng
+ Các khoản thu ngân sách xã hưởng 100%:	1.995.000.000	đồng
+ Các khoản thu ngân sách xã hưởng theo tỷ lệ %:	30.712.000.000	đồng
- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	133.256.000.000	đồng
+ Thu bổ sung cân đối:	130.256.000.000	đồng
+ Thu bổ sung có mục tiêu:	3.000.000.000	đồng
2. Dự toán chi ngân sách xã	165.963.000.000	đồng
2.1. Chi đầu tư phát triển	36.842.000.000	đồng
2.2. Chi thường xuyên	125.781.000.000	đồng

- Chi giáo dục và đào tạo	64.627.000.000	đồng
- Chi quốc phòng	1.198.610.000	đồng
- Chi an ninh và trật tự ATXH	2.057.570.000	đồng
- Chi sự nghiệp khoa học, chuyên đổi số	2.500.000.000	đồng
- Chi y tế, dân số và gia đình	3.929.910.000	đồng
- Chi văn hóa thông tin	492.410.000	đồng
- Chi phát thanh truyền hình	224.730.000	đồng
- Chi thể dục thể thao	71.280.000	đồng
- Chi bảo vệ môi trường	3.222.450.000	đồng
- Chi các hoạt động kinh tế	2.768.040.000	đồng
- Quản lý nhà nước	28.081.820.000	đồng
- Chi đảm bảo xã hội	15.996.180.000	đồng
- Chi khác ngân sách	611.000.000	đồng
2.3. Dự phòng ngân sách	3.340.000.000	đồng
2.4. Chi chuyển nguồn sang năm	0	đồng

(Kèm theo biểu 01, 02, 03, 04, 05,06)

Điều 2. Giao cho Phòng Kinh tế xã thông báo, cấp phát các khoản chi ngân sách xã năm 2026 cho các đơn vị sử dụng ngân sách, các trường học trên địa bàn xã đảm bảo thực hiện theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã; Chánh Văn phòng Đảng ủy xã, Chủ tịch UBMTTQ xã, Trưởng phòng Kinh tế xã, Trưởng phòng Văn hoá – xã hội xã, Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công xã, Hiệu trưởng các trường học và Trạm trưởng Trạm y tế xã, các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Phòng GD số 3, KBNN khu vực V
- TT Đảng ủy; TT HĐND xã;
- Các PCT UBND xã;
- Các phòng chuyên môn xã;
- Các trường học, Trạm y tế;
- Lưu: VT.



Vũ Văn Lâm

DỰ TOÁN
CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Trường Mầm non Xuân Chính

Mã QHNS: 1122585

(Kèm theo Quyết định số 886/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Chát Bình)
ĐVT: Đồng

Tổng cộng	6.627.520.800
I Dự toán chi thường xuyên	6.273.460.800
1 Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	5.745.828.900
- Quỹ tiền lương, đóng góp biên chế hiện có (Đã trừ số tạm tính thực hiện cải cách tiền lương): 29 Biên chế	4.630.112.000
- Quỹ tiền lương biên chế thiếu: 02 người	205.545.600
- Dự kiến nâng lương năm 2026	148.366.200
- Chi hoạt động thường xuyên 31 BC (Đã trừ số tạm tính chi hoạt động; đã trừ 11% TK, KT)	761.805.100
2 Kinh phí không thường xuyên không giao tự chủ (MN12)	233.915.100
- Tiền công, chi hoạt động thường xuyên hợp đồng Nghị định 111/NĐ-CP ngày 30/12/2022 (Đã trừ 11% TK, KT)	233.915.100
3 Quỹ tiền thưởng (MN 18)	293.716.800
- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP: 29 người	293.716.800
II Chính sách hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí theo quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP (MN 12)	354.060.000
1 Nguồn cải cách tiền lương (40%)	140.544.000
2 Chi hoạt động (60%)	210.816.000
3 Hỗ trợ chi phí học tập	2.700.000